

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI

Số 03/2025/QĐST- DS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Pleiku, ngày 26 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v Tuyên bố người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Hoàng Thị Sứ.

Thư ký phiên họp: Ông Đặng Đại Bình, Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku tham gia phiên họp:
Bà **Phan Nguyễn Quỳnh Như** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 119/2025/TLST- DS ngày 13 tháng 3 năm 2025 về việc “*Yêu cầu tuyên bố người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi*” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 03/2025/QĐST-MPH ngày 22 tháng 5 năm 2025, quyết định hoãn phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự số 02/2025/QĐ-TA ngày 18 tháng 6 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà Trương Thị Ph, sinh năm 1978; Nơi đăng ký thường trú: Tổ 9, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai; chỗ ở hiện nay: 125 Ấ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Trương Thị L, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn I, phường Cg, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Bà Trương Thị S, sinh năm 1966; địa chỉ: 771/34 P, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Bà Lê Thị M, sinh năm 1939; Nơi cư trú: 52A H, phường T, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Ông Trương Văn B, sinh năm 1971; Nơi cư trú: 52A H, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự đề ngày 28/02/2025, đơn thay đổi nội dung yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 26/3/2025, ngày 19/5/2025 và tại phiên họp bà Trương Thị P trình bày:

Cha mẹ bà là ông Trương Tấn G và bà Lê Thị M sinh sống tại 52A Hoàng Văn Thụ, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Trong thời kỳ hôn nhân, ông bà có 04 người con chung là Trương Thị L, sinh năm 1964; Trương Thị S, sinh năm 1966; Trương Văn B, sinh năm 1971; Trương Thị P, sinh năm 1978. Bà cam đoan ông G, bà M không có con chung, con nuôi nào khác. Cha mẹ của ông Giá, bà Mười chết từ lâu (chết trước ông Giá) không xác định được thời gian.

Cha mẹ bà có tạo lập được nhà và đất thuộc thửa số 157, tờ bản đồ số 62 tại 52A H, phường T, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 654086 ngày 20/11/2007 đứng tên ông Trương Tấn G và bà Lê Thị M. Năm 2010, ông Trương Tấn G chết không để lại di chúc. Bà Lê Thị M hiện nay đã già, bị lú lẫn, lãng quên, còn ông Trương Văn B bị bệnh tâm thần từ nhỏ.

Do vậy, bà có đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, yêu cầu tuyên bố bà Lê Thị M và ông Trương Văn B mất năng lực hành vi dân sự; Chỉ định bà Trương Thị L là người giám hộ cho ông Trương Văn B; chỉ định bà Trương Thị S là người giám hộ cho bà Lê Thị M; xác định quyền và nghĩa vụ của người giám hộ; cử bà Trương Thị P là người giám sát việc giám hộ bà Trương Thị L và bà Trương Thị S. Mục đích yêu cầu giải quyết việc dân sự là để làm thủ tục kê khai di sản của ông Trương Tấn G.

Sau khi có kết luận giám định pháp y tâm thần của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Tây Nguyên, kết luận bà Lê Thị M và ông Trương Văn B khó khăn, hạn chế trong nhận thức, hạn chế khả năng hành vi. Ngày 19/5/2025, bà Trương Thị P thay đổi nội dung yêu cầu Tòa án giải quyết, cụ thể:

Tuyên bố bà Lê Thị M, sinh năm 1939; địa chỉ: 52A Hoàng Văn Thụ, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo Điều 23 Bộ luật dân sự.

Tuyên bố ông Trương Văn B, sinh năm 1971; địa chỉ: 52A Hoàng Văn Thụ, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo Điều 23 Bộ luật dân sự.

Chỉ định bà Trương Thị L là người giám hộ cho ông Trương Văn B; chỉ định bà Trương Thị S là người giám hộ cho bà Lê Thị M; xác định quyền và nghĩa vụ của người giám hộ.

Chỉ định bà Trương Thị P là người giám sát việc giám hộ bà Trương Thị L và bà Trương Thị S. Tại phiên họp bà Phụng đồng ý làm người giám sát việc giám hộ của bà Trương Thị L và bà Trương Thị S và yêu cầu Tòa án xác định quyền và nghĩa vụ của người giám sát việc giám hộ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị S trình bày:

Bà đồng ý với toàn bộ ý kiến trình bày và yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Trương Thị P. Bà đồng ý làm giám hộ cho bà Lê Thị M, chỉ định bà Trương Thị P là người giám sát việc giám hộ của bà Trương Thị L và bà Trương Thị S. Lâu nay bà là người chăm sóc, nuôi dưỡng bà Lê Thị M, đủ điều kiện cần thiết thực hiện người giám hộ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị L trình bày:

Bà đồng ý với toàn bộ lời trình bày và yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Trương Thị P. Bà đồng ý làm giám hộ cho ông Trương Văn B, chỉ định bà Trương Thị P là người giám sát việc giám hộ của bà Trương Thị L và bà Trương Thị S. Lâu nay bà là người chăm sóc, nuôi dưỡng ông Trương Văn B, đủ điều kiện cần thiết thực hiện người giám hộ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết việc dân sự:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên họp đã thực hiện đúng, đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự chấp hành nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành theo quy định của pháp luật tại các Điều 70, 71, 367 và Điều 369 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, hướng giải quyết: Áp dụng các Điều 23; 46; 47; 48; 49; 51, 54; 57; 58; 59, 62, 63 và Điều 136 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Trương Thị P:

- Tuyên bố bà Lê Thị M và ông Trương Văn B là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

- Chỉ định bà Trương Thị S là người giám hộ cho bà Lê Thị M; Chỉ định bà Trương Thị L là người giám hộ cho ông Trương Văn B. Quyền và nghĩa vụ của người giám hộ thực hiện theo quy định tại Điều 57, 58, 59, 62, 63 và Điều 136 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Chỉ định bà Trương Thị P là người giám sát việc giám hộ của bà Trương Thị L và bà Trương Thị S. Quyền và nghĩa vụ của người giám sát việc giám hộ thực hiện theo quy định tại Điều 51, Điều 59 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị P phải nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai nhận định:

[1] Đơn yêu cầu của bà Trương Thị P về việc yêu cầu tuyên bố bà Lê Thị M, sinh năm 1939 và ông Trương Văn B, sinh năm 1971 là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi đảm bảo theo quy định tại Điều 362 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Mười và ông Bảy có nơi cư trú tại: 52A H, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku theo quy định tại khoản 1 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, Điểm a khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự đề ngày 28/02/2025 và đơn thay

đổi nội dung yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 26/3/2025, bà Trương Thị P yêu cầu tuyên bố bà Lê Thị M và ông Trương Văn B mất năng lực hành vi dân sự; Chỉ định bà Trương Thị L là người giám hộ cho ông Trương Văn B; chỉ định bà Trương Thị S là người giám hộ cho bà Lê Thị M; cử bà Trương Thị P là người giám sát việc giám hộ của bà Trương Thị L và bà Trương Thị S.

Ngày 19/5/2025, bà P thay đổi nội dung yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên bố bà Lê Thị M, sinh năm 1939 và ông Trương Văn B, sinh năm 1971; địa chỉ: 52A H, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo Điều 23 Bộ luật dân sự. Chỉ định bà Trương Thị L là người giám hộ cho ông Trương Văn B; chỉ định bà Trương Thị S là người giám hộ cho bà Lê Thị M; xác định quyền và nghĩa vụ của người giám hộ; chỉ định bà Trương Thị P là người giám sát việc giám hộ của bà Trương Thị L và bà Trương Thị S. Tại phiên họp, bà Phụng yêu cầu Tòa án xác định quyền và nghĩa vụ của người giám sát việc giám hộ. Xét việc thay đổi nội dung yêu cầu giải quyết việc dân sự trong phạm vi yêu cầu ban đầu, phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Căn cứ Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trung cầu số 108/2022/KLGD ngày 15/5/2025 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Tây Nguyên đối với bà Lê Thị M, đã kết luận:

- Về y học: Hiện tại đương sự Lê Thị M bị bệnh Sa sút trí tuệ trong bệnh Alzheimer (bệnh tuổi già); về khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi: Hiện tại bà Lê Thị M hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi (khó khăn nhận thức trong các vụ việc dân sự).

Theo kết luận trên đủ cơ sở kết luận: Bà Lê Thị M, sinh năm 1939; địa chỉ: 52A Hoàng Văn Thụ, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo Điều 23 Bộ luật dân sự và Điều 378 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Căn cứ Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trung cầu số 109/2022/KLGD ngày 15/5/2025 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Tây Nguyên đối với ông Trương Văn B đã kết luận:

- Về y học: Hiện tại đương sự Trương Văn B bị bệnh tâm thần phân liệt thể di chứng (theo Bảng phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 có mã bệnh: F20.5-ICD.10); về khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi: Hiện tại đương sự Trương Văn B hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi (rất khó khăn nhận thức trong các vụ việc dân sự).

Theo kết luận trên đủ cơ sở kết luận: Ông Trương Văn B, sinh năm 1971; địa chỉ: 52A H, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo Điều 23 Bộ luật dân sự và Điều 378 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Xét người giám hộ.

Đối với bà Trương Thị S: Xét phiếu lý lịch tư pháp số 2, số 4822/CA-LLTP ngày 18/6/2025 và Đơn xin xác nhận ngày 05/6/2025, bà Sanh là người không có

án tích, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có tư cách đạo đức tốt và các điều kiện cần thiết để thực hiện quyền, nghĩa vụ của người giám hộ, có đủ điều kiện có thể làm người giám hộ quy định tại Điều 49 Bộ luật dân sự. Bà P, bà S, bà L cùng thống nhất chỉ định bà Sanh làm người giám hộ cho bà Lê Thị M là đảm bảo quyền lợi cho người được giám hộ, có cơ sở chấp nhận.

Đối với bà Trương Thị L: Xét phiếu lý lịch tư pháp số 2, số 4818/CA-LLTP ngày 18/6/2025 và Đơn xin xác nhận ngày 05/6/2025, bà Lan là người không có án tích, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có tư cách đạo đức tốt và các điều kiện cần thiết để thực hiện quyền, nghĩa vụ của người giám hộ, có đủ điều kiện có thể làm người giám hộ quy định tại Điều 49 Bộ luật dân sự. Bà P, bà S, bà L cùng thống nhất chỉ định bà L làm người giám hộ cho ông Trương Văn B là đảm bảo quyền lợi cho người được giám hộ, có cơ sở chấp nhận.

[6] Xét người giám sát việc giám hộ.

Xét phiếu lý lịch tư pháp số 2, số 4814/CA-LLTP ngày 18/6/2025 và Đơn xin xác nhận ngày 05/6/2025, bà Trương Thị P là người không có án tích, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có đủ điều kiện cần thiết để thực hiện việc giám sát. Xét chứng cứ là sơ yếu lý lịch do người yêu cầu cung cấp thì bà P, bà S, bà L là những người thân thích của người được giám hộ. Như vậy, bà Trương Thị P đủ điều kiện làm người giám sát việc giám hộ của bà Trương Thị S, bà Trương Thị L theo quy định tại Điều 51 Bộ luật dân sự, có cơ sở chấp nhận.

[7] Về lệ phí: Bà Trương Thị P phải nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 001309 ngày 13/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

[8] Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên về việc giải quyết việc dân sự là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39, 149, Điều 361; Điều 367; Điều 369; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 376; Điều 378 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng các Điều 23; 46; 47; 48; 49; 51, 54; 57; 58; 59, 62, 63 và Điều 136 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị P:

1. Tuyên bố bà Lê Thị M, sinh năm 1939; địa chỉ: 52A H, phường Tây Sơn, thành phố P, tỉnh Gia Lai là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

2. Tuyên bố ông Trương Văn B, sinh năm 1971; địa chỉ: 52A H, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

3. Chỉ định bà Trương Thị S là người giám hộ cho bà Lê Thị M; Quyền và nghĩa vụ của người giám hộ thực hiện theo quy định tại Điều 57, 58, 59, 62, 63 và Điều 136 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Chỉ định bà Trương Thị L là người giám hộ cho ông Trương Văn B. Quyền và nghĩa vụ của người giám hộ thực hiện theo quy định tại Điều 57, 58, 59, 62, 63 và Điều 136 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Chỉ định bà Trương Thị P là người giám sát việc giám hộ của bà Trương Thị L và bà Trương Thị S. Quyền và nghĩa vụ của người giám sát việc giám hộ thực hiện theo quy định tại Điều 51, Điều 59 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị P phải nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 001309 ngày 13/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Bà P đã nộp đủ.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định; đương sự vắng mặt thì thời hạn được tính từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Tp P;
- Đương sự;
- UBND phường T;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Hoàng Thị Sứ

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: “Số: 20/2018/QĐST-KDTM”).

(3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.

(5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.

(6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).

(7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn “văn bản ủy quyền ngày ... tháng ... năm”

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại..... là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Tân Phước Thịnh).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tại là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày..... tháng.... năm....).

(10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).

(12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).

(13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).

(14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.

(15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.

(18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.

(20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.

(21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

(22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.

(23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.

(24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi: